TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 15-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Giang Vân và ông Phạm Tuấn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2024/QĐ-TA ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tiến T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/5/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh C và bà Trần Thị T1; Có vợ là Lý Thị D và 02 con. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Nguyễn Biên C1 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 03/01/1982 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân N và bà Đoàn Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị H1 và 02 con. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Lưu Đức T2 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 26/10/1993 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Văn P và bà Đoàn Thị L; Có vợ là Lưu Thị Lan A và 02 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Nguyễn Văn T3 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 13/01/1991 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị L1; Có vợ là Phạm Thị Thu P1 và 02 con. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

5. Vi Quốc T5 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/6/1959 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Quốc V và bà Lý Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Thị L2 và 04 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

6. Đặng Văn T6 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 18/3/1988 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn M và bà Phàn Thị T7; Có vợ là Lý Thị T8 (đã ly hôn) và 02 con. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

7. Trần Ngọc H2 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20/8/1989 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc H3 và bà Nguyễn Thị H4; có vợ là Phàn Thị H5 và 02 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

8. Lê Xuân T9 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 05/7/1989 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình C2 và bà Nông Thị L3; Vợ con chưa có; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

9. Nguyễn Văn H6 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20/12/1983 tại huyện X, tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị N1, không xác định được bố đẻ; Có vợ là Nguyễn Thị H7 và 02 con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

10. Lục Trung B (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 26/01/1991 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn Q, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lục Trung L4 và bà Nguyễn Thị T10; Có vợ là Cò Thị H8 (đã ly hôn) và 02 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 73/QĐXP ngày 26/9/2010 của Công an huyện B xử phạt Lục Trung B hình thức phạt tiền về hành vi thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau, ngày 27/9/2010 Lục Trung B chấp hành xong quyết định.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn Q, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

11. Lưu Ngọc N2 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20/9/1993 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn D1 và bà Phạm Thị Q; Có vợ là Nguyễn Thị Tô H9 và 01 con. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

12. Nguyễn Xuân T11 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 24/7/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H10 và bà Nguyễn Thị N1; Có vợ là Bàn Thị H11 và 02 con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 18/3/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

13. Trần Thị T12 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 13/6/1982 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L5 và bà Phạm Thị M1; Có chồng là Lê Thị M2 (đã ly hôn) và 02 con;Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

14. Lý Thị M3 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 19/4/1985 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị N1; Có chồng là Trần Văn A1 và 02 con; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/3/2024, hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tiến T: Bà Đỗ Thị Thu B1 - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L. Có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Thành T13, Trần Văn A1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Bùi Tiến T mở quán bán nước và kinh doanh dịch vụ chơi bi-a tại thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Khoảng 21 giờ tối 15/03/2024, Nguyễn Văn T3, Lục Trung B và Trần Ngọc H2 đến chơi bi-a tại quán bán nước của Bùi Tiến T thuộc thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Một lục sau có thêm Nguyễn Biên C1, Nguyễn Văn H6, Trần Thị T12, Lưu Đức T2, Lê Xuân T9, Lưu Ngọc N2, Lý Thị M3, Đặng Văn T6, Vi Quốc T5 cũng đến nhà T chơi bi-a, mua nước uống. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định tổ chức cho mọi người đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, T nói với những người có mặt ở quán "Anh em lên đồi chơi tý cho vui" (ý rủ mọi người đi đánh bạc xóc đĩa). Sau đó T vào nhà lấy 01 tấm bạt, 02 chiếc chiếu, 01 bát, 01 đĩa, 01 đèn tích điện để ra ngoài hiên trước cửa nhà. Nguyễn Biên C1 vào nhà T lấy 01 bao thuốc lá Thăng Long màu vàng rồi mượn kéo của Trần Ngọc H2 cắt 04 quân vị hình tròn (một mặt màu vàng, một mặt màu trắng), sau khi cắt xong quân vị C1 cầm theo người, kéo để tại mặt bàn uống nước ngoài sân nhà T. Sau khi chuẩn bị công cụ xong, T mang các dụng cụ để lên xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter gắn BKS 24P4-9470 rồi điều khiển xe máy đi theo lối đường đồi khoảng 300m lên đồi cây của ông Bùi Thanh C (là bố đẻ của T). Đến bãi đất bằng, T bỏ các dụng cụ xuống nền đất rồi căng bạt, treo đèn lên cao, trải chiếu, bỏ bát đĩa ra, lúc này những người ở nhà T người đi xe máy, người đi bộ đến địa điểm đánh bạc. Tại địa điểm đánh bạc, sau khi T bỏ bát đĩa ra, C1 cầm bát, đĩa rồi bỏ 04 quân vị mang từ nhà T lên ngồi ở đầu chiếu làm cái xóc, các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền.

Khi đánh xóc đĩa, các bị cáo quy ước bên tay phải người xóc đĩa (cầm cái) là chẵn, bên tay trái người xóc đĩa là lẻ. Người xóc đĩa dùng 01 bát sứ úp lên đĩa sứ bên trong có 04 quân vị hình tròn có hai mặt khác màu nhau rồi xóc lên. Sau khi người cầm cái đặt bát xuống chiếu, con bạc tự đặt tiền vào các bên chẵn và lẻ trên chiếu bạc, với số tiền đặt tùy ý. Sau khi cân tiền xong thì người cầm cái sẽ mở bát. Khi mở bát nếu cả 04 quân vị cùng màu hoặc 02 quân vị cùng màu thì người nào đặt cửa chẵn sẽ thắng; nếu có 03 quân vị cùng màu khác với quân vị còn lại thì người nào đặt cửa lẻ sẽ thắng; người cầm cái sẽ lấy tiền của người chơi đặt bên cửa thua trả cho những người bên cửa thắng với tỉ lệ được thua là 1:1.

Sau khi chơi được khoảng 6 đến 7 ván, Nguyễn Biên C1 nói với các bị cáo "Ai uống nước thì đóng tiền để T nó về lấy nước uống", sau đó các bị cáo đóng tiền từ 50.000đ đến 100.000đ để dưới chiếu. C1 cầm toàn bộ số tiền này đưa cho T, Thành đếm được 950.000đ. Quá trình đánh bạc Lê Xuân T9 đòi đổi quân vị nên khi T về nhà lấy nước, thuốc lá bán cho các con bạc, T cầm chiếc kéo để ở bàn uống nước trước sân nhà T (chiếc kéo Cương cắt quân vị trước đó) mang lên địa điểm đánh bạc đưa cho Lê Xuân T9 để T9 cắt quân vị mới. Lê Xuân T9 cắt 04

quân vị mới từ vỏ bao thuốc Thăng Long rồi đưa cho C1 cầm cái xóc tiếp, quân vị cũ T9 xé vứt đi. C1 xóc cái chơi tiếp được khoảng 30 phút thì thua hết tiền không chơi nữa. Sau đó Lưu Đức T2 thay C1 vào xóc cái và đánh bạc cùng các con bạc khác.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/3/2024, Công an huyện B bắt quả tang các đối tượng: Bùi Tiến T, Trần Ngọc H2, Đặng Văn T6, Trần Thị T12, Lý Thị M3, Lục Trung B, Vi Quốc T5, một số đối tượng khác bỏ chạy. Cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.800.000đ do ngân hàng N3 phát hành; 01 đĩa men sứ hình trắng; 01 bát men sứ màu trắng; 02 chiếu cói; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá T, một mặt màu trắng một mặt màu vàng; 01 tấm bạt một mặt màu xanh một mặt màu cam và 01 đèn tích điện. Thu giữ của Bùi Tiến T số tiền 9.000.000đ, Trần Ngọc H2 1.700.000đ, ngoài ra thu giữ nhiều điện thoại và xe máy.

Sau khi khởi tố vụ án Đánh bạc, các đối tượng khác lần lượt ra đầu thú gồm: Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9. Quá trình điều tra vụ án các bị cáo khai nhận như sau:

Bùi Tiến T mang theo số tiền khoảng 11.000.000đ và thu được 950.000đ là tiền bán nước, thuốc lá cho các bị cáo khác, tổng số tiền T có là khoảng 11.950.000đ sử dụng toàn bộ và việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T cho Nguyễn Xuân T11 vay 1.000.000đ, T11 để lại cho T 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus làm tin. T tham gia đánh nhiều ván và bị thua, đến khi bị Công an bắt quả tang T bị tạm giữ trên người số tiền còn lại là 9.000.000đ.

Trần Ngọc H2 mang theo số tiền 1.500.000đ, H2 đóng 100.000đ tiền mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Hà tham gia đánh nhiều ván và thắng, khi Công an bắt quả tang H2 bị tạm giữ trên người số tiền 1.700.000đ.

Lục Trung B mang theo số tiền 500.000đ, đóng 100.000đ để mua nước, còn lại 400.000đ sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc B đánh nhiều ván và đến khi bị bắt quả tang B thua hết số tiền mang theo.

Vi Quốc T5 mang theo số tiền khoảng 3.000.000đ, T5 đóng 100.000đ mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T5 tham gia đánh nhiều ván và thắng. Đến khi bị Công an bắt quả tang, T5 có khoảng 6.000.000đ đã vứt hết xuống chiếu bạc.

Đặng Văn T6 mang theo số tiền 2.500.000đ, T6 đóng 100.000đ tiền mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. T6 tham gia đánh nhiều ván và bị thua, đến khi bị Công an bắt quả tang T6 còn khoảng 300.000đ đã vứt hết xuống chiếu bạc.

Nguyễn Biên C1 mang theo số tiền 1.800.000đ, đóng 100.000đ tiền mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc C1 cầm cái chơi nhiều ván thua hết tiền nên đi về nhà trước khi lực lượng công an đến bắt quả tang. Ngày

18/3/2024, C1 đến Công an huyện B đầu thú.

Nguyễn Xuân T11 mang theo số tiền 200.000đ, đóng 50.000đ để mua nước, số tiền còn lại để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T11 thua hết tiền mang theo nên vay của Bùi Tiến T 1.000.000đ và đưa cho T chiếc điện thoại Iphone 6 Plus làm tin. T11 sử dụng số tiền này tiếp tục đánh bạc và bị thua hết tiền nên đứng xem. Khi Công an bắt quả tang, T11 bỏ chạy. Đến ngày 18/3/2024, T11 đến Công an huyện B đầu thú.

Lưu Đức T2 mang theo số tiền 800.000đ, T2 đóng 50.000đ để mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. T2 tham gia đánh nhiều ván, khi Nguyễn Biên C1 thua hết tiền thôi làm cái thì T2 thay vào làm cái. Đến khi bị Công an bắt quả tang T2 còn lại trên tay số tiền 300.000đ, T2 cầm số tiền này bỏ chạy. Đến ngày 18/3/2024, T2 đến Công an huyện B đầu thú và giao nộp số tiền 300.000đ.

Nguyễn Văn H6 mang theo số tiền 700.000đ, H6 đóng 100.000đ để mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H6 cho Lê Xuân T9 vay 500.000đ, sau đó Lê Xuân T9 thắng bạc trả cho H6 số tiền 1.500.000đ (gồm 500.000đ tiền mới vay và 1.000.000đ Lê Xuân T9 vay H6 việc cá nhân vài ngày trước đó), H6 bỏ 500.000đ ra để đánh bạc còn 1.000.000đ cất ở trong ví. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thì H6 thua hết tiền và bỏ chạy. Đến ngày 03/4/2024, Nguyễn Văn H6 đến Công an huyện B đầu thú, số tiền 1.000.000đ mà Lê Xuân T9 trả, H6 đã tiêu xài hết.

Lê Xuân T9 mang theo số tiền 1.400.000đ, T9 đóng 100.000đ để mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T9 tham gia đánh nhiều ván và bị thua hết số tiền mang theo, sau đó T9 vay của H6 500.000đ đánh bạc tiếp thì T9 thua còn khoảng 300.000đ nên T9 yêu cầu đổi quân vị. Sau khi T9 cắt đổi quân vị Thái tham gia đánh bạc tiếp thì thắng, T9 trả cho H6 1.500.000đ và cho Trần Thị Thanh 100.000đ, sau đó T9 tiếp tục tham gia đánh bạc và bị thua hết tiền nên cùng Lưu Ngọc N2 đi về trước. Đến ngày 26/3/2024, T9 đã đến Công an huyện B đầu thú.

Nguyễn Văn T3 khi đến đánh bạc mang theo số tiền 450.000đ, T3 đóng tiền mua nước 50.000đ, còn lại 400.000đ sử dụng để đánh bạc. Thái tham gia đánh nhiều ván và bị thua hết số tiền mang theo nên đứng xem mọi người đánh bạc đến khi bị bắt quả tang T3 bỏ chạy. Đến ngày 26/3/2024, Nguyễn Văn T3 đã đến Công an huyện B đầu thú.

Lưu Ngọc N2 khi đến đánh bạc mang theo số tiền 400.000đ, Nam đóng 100.000đ để mua nước, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc N2 thắng được số tiền 1.100.000đ rồi cầm theo số tiền 1.100.000đ cùng Lê Xuân T9 đi về trước. Ngày 29/3/2024, Lưu Ngọc N2 đến Công an huyện B đầu thú và giao nộp số tiền 1.100.000đ.

Trần Thị Thanh khi đến địa điểm đánh bạc không mang theo tiền. Quá trình xem mọi người đánh bạc T12 xin của Lê Xuân T9 100.000đ chơi 01 ván đặt

100.000đ vào cửa lẻ và bị thua hết tiền nên đứng xem mọi người đánh bạc đến khi bị Công an bắt quả tang.

Lý Thị M3 mang theo số tiền 100.000đ để đánh bạc. M3 chơi 02 ván, mỗi ván đặt cược 50.000đ đều bị thua hết tiền nên đứng xem mọi người đánh bạc đến khi bị bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSBT ngày 07/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Bùi Tiến T về các tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bùi Tiến T phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc"; Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 phạm tội "Đánh bạc".

* Về hình phạt, đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Tiến T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Tiến T từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vi Quốc T5, Đặng Văn T6 mỗi bị cáo từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lê Xuân T9 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 36 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lý Thị M3 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 35 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Trần Ngọc H2 25.000.000đ đến 35.000.000đ sung quỹ nhà nước

Xử phạt Lục Trung B, Trần Thị Thanh mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ sung quỹ nhà nước

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 35 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Lưu Đức T2, Lưu Ngọc N2 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ sung quỹ nhà nước

* Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Sung quỹ Nhà nước: số tiền 19.900.000đ thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo; 01 xe máy Yamaha Jupiter của Bùi Tiên T14; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax của Bùi Tiến T; 01 điện thoại di động Redmi 5 Plus của Vi Quốc T5.

- Truy thu của Nguyễn Văn H6 1.000.000đ sung quỹ Nhà nước

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đĩa men sứ, 01 bát men sứ, 02 chiếu cói, 01 tấm bạt, 01 đèn tích điện, 04 quân vị hình tròn; Tiêu huỷ 01 biển số xe 24P4-5902.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tiến T nhất trí về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Đề nghị Toà án xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc và 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Các bị cáo đều không có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Tiến T khai khoảng 22 giờ ngày 15/3/2024 bị cáo đã có hành vi rủ rê, lôi kéo, chuẩn bị công cụ phương tiện tổ chức đánh bạc tại khu vực thôn C, thị trấn Nông trường P, huyện B và thu lợi nhuận từ việc bán nước cho các con bạc khác. Bản thân bị cáo T cùng 13 bị cáo khác là Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 đều khai nhận đêm ngày 15/3

và sáng ngày 16/3/2024 đã tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền.

Quá trình bắt quả tang cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.800.000đ, thu giữ của Bùi Tiến T số tiền 9.000.000đ, thu giữ của Trần Ngọc H2 số tiền 1.700.000đ. Khi đầu thú bị cáo Lưu Ngọc N2 nộp lại số tiền 1.100.000đ, Lưu Đức T2 nộp lại 300.000đ, và bị cáo Nguyễn Văn H6 khai khi ra về cầm theo số tiền 1.000.000đ đã tiêu hết không nộp lại được. Các bị cáo đều khai các số tiền này đều được sử dụng việc đánh bạc đêm ngày 15/3 sáng ngày 16/3/2024, do đó xác định tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 20.900.000đ.

Như vậy hành vi của Bùi Tiến T đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi của các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 đã phạm vào tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật song không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã lao vào tệ nạn xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo như sau:

Bị cáo Bùi Tiến T là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị các dụng cụ, địa điểm để tổ chức đánh bạc, bị cáo đã thu lợi nhuận từ việc bán nước, thuốc lá cho các con bạc khác. Quá trình tổ chức đánh bạc bản thân bị cáo T cũng là người trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, do đó bị cáo Bùi Tiến T giữ vai trò chính về tội Đánh bạc. Đối với các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người thực hành về tội Đánh bạc.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần thiết phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với Bùi Tiến T có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn

Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Các bị cáo Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Xuân T11 và bị cáo Nguyễn Văn H6 có thêm tình tiết giảm nhẹ là mẹ đẻ là người có công với Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Bùi Tiến T là người giữ vai trò chính cần thiết phạt tù giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục.

Đối với các bị cáo Nguyễn Biên C1, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Lê Xuân T9, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T3, Lý Thị M3: Xét thấy trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T3, Lý Thị M3 cần xử phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, do các bị cáo là lao động tự do nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Đối với Lưu Đức T2, Trần Ngọc H2, Lưu Ngọc N2, Trần Thị T12 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có thu nhập nên cần phạt các bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước là phù hợp. Bị cáo Lục Trung B đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau từ năm 2010. Tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong quyết định, xét thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có thu nhập, do đó đối với bị cáo B cũng cần xử phạt một khoản tiền để sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[5]. Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phạt bổ sung bị cáo Bùi Tiến T một khoản tiền sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo còn lại không cần thiết phạt bổ sung.

[6]. Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các vật chứng như sau:

Thu giữ của Trần Ngọc H2 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu đen; 01 điện thoại Iphone XS max màu trắng; 01 xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 24B2-042.71. Thu giữ của Lý Thị M3 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, 01 xe máy Honda Wave S biển kiểm soát 24P6-7362. Thu giữ của Vi

Quốc T5 01 xe máy Honda Wave RSX F1 biển kiểm soát 24Hb-207.61. Thu giữ của Đặng Văn T6 01 điện thoại di đông Oppo A77S, 01 điện thoại di động Opppo A39, 01 điện thoại di động Masstel bàn phím, 01 xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24B1-920.72. Thu giữ của Trần Thị T12 01 điện thoại di động S1 A20. Thu của Lục Trung B 01 xe máy Honda Dream biển kiểm soát 24P6-6435. Quá trình điều tra xác định các vật chứng trên không liên quan tới hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo.

Các vật chứng còn lại đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng quản lý bao gồm:

+ Số tiền: 19.900.000đ (7.800.000đ thu giữ trên chiếu bạc, 9.000.000đ thu giữ của Bùi Tiến T, 1.700.000đ thu giữ của Trần Ngọc H2, 1.100.000đ thu giữ của Lưu Ngọc N2, 300.000đ thu của Lưu Đức T2) cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra còn 1.000.000đ tiền sử dụng đánh bạc Nguyễn Văn H6 đã cầm về chi tiêu hết không thu hồi được nên cần truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 bát men sứ màu trắng, 01 đĩa, 02 chiếu cói, 04 quân vị hình tròn, 01 tấm bạt một mặt màu xanh một mặt màu cam, 01 đèn tích điện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max , 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter,màu sơn Đen Bạc gắn BKS 24P4-9470 thu giữ của Bùi Tiến T. Xét thấy bị cáo T đã sử dụng điện thoại và xe máy vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Ngoài ra có thu giữ 01 biển số xe số 24P4-5902 có viền màu vàng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 5 Plus tạm giữ của Vi Quốc T5, bị cáo T5 sử dụng điện thoại liên lạc với bị cáo T về việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra các bị cáo khai bị cáo C1 và T3 đã sử dụng kéo để cắt quân vị nhưng hiện không biết kéo ở đâu. Nguyễn Xuân T11 khai bị cáo đưa chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus cho Bùi Tiến T để làm tin vay số tiền 1.000.000đ, bị cáo T đã làm rơi khi bỏ chạy hiện không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[7]. Các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Ngoài các bị cáo đã bị khởi tố điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, còn có Nguyễn Thành T13, Trần Văn A1 có mặt tại địa điểm đánh bạc trên vào ngày 15/3/2024. Quá trình điều tra xác định những người này không tham gia đánh bạc nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Bùi Thanh C là chủ sở hữu đồi cây nơi tổ chức đánh bạc ngày 15/3/2024. Quá trình điều tra xác định thời điểm các bị cáo đánh bạc ông C không biết việc các đối tượng sử dụng vườn đồi nhà mình làm địa điểm để đánh bạc. Vì vậy, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật áp dụng là đúng, mức hình phạt đề nghị áp dụng với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi. Tại phiên toà các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Bùi Tiến T về mức hình phạt đối với tội Đánh bạc 06 tháng là quá nhẹ chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Tiến T phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc"

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tiến T 01 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tiến T 10 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Bùi Tiến T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" là 01 năm 10 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 09 tháng 24 ngày tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vi Quốc T5 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đặng Văn T6 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Biên C1 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T11 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T9 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vi Quốc T5 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Văn T6 cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 36 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 08 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lý Thị M3 06 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Lào Cai nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T3, Lý Thị M3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 35 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Trần Ngọc H2 25.000.000đ sung quỹ nhà nước

Xử phạt Lục Trung Biên 20.000.000đ sung quỹ nhà nước

Xử Phạt Trần Thị Thanh 20.000.000đ sung quỹ nhà nước

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 35 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Lưu Đức T2 20.000.000đ sung quỹ nhà nước

Xử phạt Lưu Ngọc N2 20.000.000đ sung quỹ nhà nước

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.800.000đ thu giữ trên chiếu bạc và tổng số tiền 12.100.000đ thu giữ của các bị cáo (9.000.000đ thu giữ của Bùi Tiến T, 1.700.000đ thu giữ của Trần Ngọc H2, 1.100.000đ thu giữu của Lưu Ngọc N2, 300.000đ thu giữ của Lưu Đức T2) đã được Công an huyện B ký gửi bảo quản tại Kho bạc nhà nước huyện B theo biên bản giao nhận tài sản số 32/2024/BBGN-KBBT ngày 29/3/2024.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng đồng, dung lượng 64GB, số seri G6TZKB7UN70F. Tịch thu tiêu huỷ 01 sim vinaphone số thuê bao 0854362789 lắp trong diện thoại.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Redmi 5 Plus, bộ nhớ 64GB, IMEI 1 868947038289404, IMIE 2: 868947038289412. Tịch thu tiêu huỷ 01 sim Viettel số thuê bao 0373922406 lắp trong điện thoại.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe máy Yamaha Jupiter màu sơn đen bạc, dung dích xi lanh 110,3cm3 gắn biển kiểm soát 24P4-9470, số máy: 5B95040556, số khung: RLCJ5B9509Y040560, xe không có gương chiếu hậu hai bên

- Truy thu của Nguyễn Văn H6 số tiền 1.000.000đ để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu huỷ:

01 đĩa men sứ hình tròn màu trắng, mặt đĩa có hoa văn màu đỏ;

01 bát men sứ màu trắng mặt ngoài bát có hoa văn;

02 chiếu cói có cùng kích thước 1,87m x 1,56m;

04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá T, một mặt màu trắng một mặt màu vàng;

01 tấm bạt một mặt màu xanh một mặt màu cam kích thước 7,6m x 2,8m;

01 đèn tích điện vỏ màu vàng có chữ IP66;

01 biển số xe 24P4-5902 có viền màu vàng.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Tiến T, Trần Ngọc H2, Trần Thị T12, Lục Trung B, Lý Thị M3, Vi Quốc T5, Đặng Văn T6, Nguyễn Biên C1, Nguyễn Xuân T11, Lưu Đức T2, Nguyễn Văn T3, Lưu Ngọc N2, Nguyễn Văn H6, Lê Xuân T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hoàng Thị Giang Thanh